

Bản án số: 331/2023/DS-PT
Ngày: 28- 7 - 2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Quốc**

Các Thẩm phán: Bà **Võ Thị Bích Hải**

Bà **Nguyễn Ngọc Trang Thư**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Huỳnh Minh Đức** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*
Bà **Nguyễn Thị Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2022/DSST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 303/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Kim T**, sinh năm 1937 (Chết)

Địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.**

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

- Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1946
- Anh **Nguyễn Định T1**, sinh năm 1973
- Anh **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1969
- Anh **Nguyễn Hoàng K**, sinh năm 1976
- Chị **Nguyễn Thị Kim T2**, sinh năm 1974
- Anh **Nguyễn Ngọc Đ**, sinh năm 1980

7. Chị **Nguyễn Thị Trúc A**, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.**

8. Chị **Nguyễn Kim Ngọc K1**, sinh năm 1977

Địa chỉ: **ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh.**

(cùng ủy quyền cho bà **Trần Thị C**).

Bà **Trần Thị C** ủy quyền cho ông **Võ Văn S**. Theo văn bản 470 ngày 07 tháng 11 năm 2022.

Bị đơn: Ông **Quách Văn H**, sinh năm 1956 (Có mặt).

Ông **Trần Văn M**, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.**

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Quách Văn T3**, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

2. Chị **Nguyễn Thị Diệu T4**, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

3. Anh **Quách Văn T5**, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

4. Chị **Bùi Thị Kim Đ1**, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.**

5. Bà **Lê Thị T6**, sinh năm 1958 (Vắng mặt).

Địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào khoảng năm 1992, ông **T** và bà **C** được cha mẹ tặng cho quyền sử dụng đất thửa 314, diện tích 6.350m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 11, tọa lạc **ấp T, xã T, huyện T, TP .**, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00853, cấp ngày 27/4/2007 do ông **Nguyễn Kim T** đứng tên. Vì có ý định chuyển nhượng đất cho người khác nên tiến hành đo đạc lại thì phát hiện diện tích đất thiếu khoảng 225m², ngang 5m và dài 45m. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông **H** trả lại diện tích đất đã lấn chiếm 225m², tại thửa 314. Và rút yêu cầu khởi kiện đối với ông **Trần Văn M**.

Theo lời khai tại Tòa án, bị đơn trình bày:

Khoảng năm 1981, ông nhận chuyển nhượng đất của ông **Trần Văn N** diện tích 1.100m², vị trí từ bờ bồi cặp mương ranh, giá chuyển nhượng 300.000 đồng. Lúc chuyển nhượng không biết thửa đất số mấy, tờ bản đồ số mấy nhưng vị trí tọa lạc ở **ấp T, xã T, huyện T, TP .** Sau đó, trước khi ông **N** chết thì ông chuyển nhượng thêm ngang 4m, dài 37m, giáp với diện tích 1.100m² đã chuyển nhượng trước đó, giá chuyển nhượng 05 phân vàng 24k, không có làm giấy tờ gì. Đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất vì phía nguyên đơn khởi kiện tranh chấp. Trên diện tích tranh chấp hiện nay có nhà tình thương của nhà nước cấp cho vợ chồng **Quách Văn T3, Nguyễn Thị Diệu T4**. Phía bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Lê Thị T6** thống nhất phần trình bày của ông **H**.*

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh **Quách Văn T3**, chị **Nguyễn Thị Diệu T4**, anh **Quách Văn T5**, chị **Bùi Thị Kim Đ1** vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2022/DSST ngày 20 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Thới Lai đã tuyên xử:

Tuyên án:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông **Trần Kim T7** đồng ý giao phần đất tranh chấp diện tích 184m² theo Bản trích đo địa chính số 65/TTKTTNMT ngày 22/10/2021 của **Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C** cho ông **Quách Văn H**.

Ông **Quách Văn H** đồng ý giao cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **Nguyễn Kim T** (bà **Trần Thị C** làm đại diện) số tiền 15.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Kim T** (có Bà **Trần Thị C** (người kế thừa và nghĩa vụ tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa và nghĩa vụ tố tụng) đối với ông **Trần Văn M** về việc tranh chấp quyền sử dụng đất tại thửa 314, diện tích 6.350m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 11, tọa lạc **ấp T, xã T, huyện T, TP ..**

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, chi phí do đặc thẩm định, án phí, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Tại đơn kháng cáo ngày 01/8/2022 người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng nguyên đơn : Anh **Nguyễn Thức Đ2**, anh **Nguyễn Thanh L1**, chị **Nguyễn Thị Kim T2**, chị **Nguyễn Thị Trúc A** yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Yêu cầu định giá thị trường phần đất tranh chấp. Yêu cầu ông **Quách Văn H** trả giá trị phần đất tranh chấp theo giá trị thị trường.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ Luật tố tụng dân sự; thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 286 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Việc thu thập chứng cứ và hòa giải được thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70 về quyền và nghĩa vụ của đương sự, Điều 71 về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, Điều 72 quyền và nghĩa vụ của bị đơn và Điều 73 quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đúng quy định.

Tính có căn cứ, hợp pháp của kháng cáo:

Về hình thức kháng cáo: Các đương sự kháng cáo trong thời hạn luật định và có đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đơn kháng cáo của các bị đơn thể hiện phần đất thửa 314 giáp ranh với thửa 315 của ông Quách Văn H. Phần đất của ông T được cấp diện tích 6.350m² khi đo đạc thực tế thiếu khoảng 225m², ngang 5m và dài 45m. Nguyên đơn cho rằng ông H lấn chiếm nên khởi kiện. Tuy nhiên qua đo đạc phần đất lấn chiếm có diện tích 184m² tại vị trí A theo bản trích đo địa chính số 65 ngày 30/6/2021. Hiện trạng phần đất tranh chấp là do ông Quách Văn T3 và bà Nguyễn Thị D là con của ông H đang ở và sử dụng. Trong các lần hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bà C và các con của ông T đồng ý nhận 15.000.000 đồng và đồng ý ổn định phần đất tranh chấp cho ông H nên ông H đồng ý, Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự. Nay bà C và các con kháng cáo yêu cầu trả giá thị trường là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ tại các lần hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bà đồng ý nhận 15.000.000 đồng và ổn định phần đất tranh chấp cho ông H, đây là sự tự nguyện định đoạt của bà. Nay bà và các con yêu cầu ông H trả giá thị trường là không có căn cứ chấp nhận. Hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm chưa quyết định có phải bị đơn lấn chiếm đất của nguyên đơn hay không? Vì hiện tại đất hai bên đều thiếu, do muốn kết thúc sớm vụ án nên bị đơn chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Nay nguyên đơn cho rằng phần đất lấn chiếm có diện tích 184m² và yêu cầu định giá thị trường để trả cho nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định như trên xét thấy kháng cáo của bà Trần Thị C và hàng thừa kế tổ tụng của ông Nguyễn Kim T là không có căn cứ chấp nhận.

3. Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án dân sự:

Đề xuất: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 57/2022/DS-ST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Theo hướng bác toàn bộ kháng cáo của bà Trần Thị C, Nguyễn Đình Thức, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Thị Kim T2, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Thị Trúc A.

Phần án phí và chi phí thẩm định: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu kháng cáo nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm định giá thị trường phần đất tranh chấp và yêu cầu ông Quách Văn H trả giá trị phần đất tranh chấp theo giá trị thị trường. Nguyên đơn cho rằng giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích tranh chấp 184m² (loại đất CLN) theo Bản trích đo địa chính số 65/TTKTTNMT ngày 22/10/2021 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Thành phố C, đã được Tòa án nhân dân huyện Thới Lai định giá thấp so với giá thị trường hiện nay. Nhưng nguyên đơn không hiểu biết pháp luật, nên tại Tòa án cấp sơ thẩm nguyên đơn không yêu cầu định giá thị trường, nguyên đơn nhận thấy quyền và lợi ích của nguyên đơn không được đảm bảo đầy đủ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn.

[3.2] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.2.1] Nguyên đơn cho rằng không hiểu biết pháp luật nên không yêu cầu cấp sơ thẩm định giá thị trường, điều này không đúng với lý do ở cấp sơ thẩm nguyên đơn có trợ giúp viên pháp lý nhà Nước thành phố Cần Thơ bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn. Hơn nữa tại biên bản phiên Tòa sơ thẩm có ghi rõ nguyên đơn cũng được Hội đồng cấp sơ thẩm cho nguyên đơn hội ý, cuối cùng nguyên đơn mới đồng ý thỏa thuận với bị đơn về vấn đề tranh chấp của các bên. Việc này cũng được Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai phát biểu quan điểm quan điểm ghi nhận yêu cầu công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó. Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi yêu cầu của mình hoặc thỏa thuận với nhau một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Nguyên đơn thay đổi thỏa thuận tại phiên tòa cấp sơ thẩm cho rằng do không hiểu pháp luật xin định lại giá thị trường là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2.1] Ngoài ra nguyên đơn cho rằng phần đất tại vị trí A theo bản trích đo của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố C với diện tích tranh chấp là 184m² là của nguyên đơn. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy diện tích 184 m² không phải của nguyên đơn vì căn cứ trích đo số

65/TTKTTNMT ngày 22/10/2021 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Thành phố C thì thửa 315 bị đơn đang sử dụng diện tích là $658.8m^2 + 184m^2 = 842,8$, so với trích đo số 222/VPĐKQSDD ngày 04 tháng 12 năm 2009 của văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T có chữ ký của ông Nguyễn Kim T chồng của bà Nguyễn Thị C1 thì phía bị đơn còn thiếu đất.

Đối với thửa đất số 314 của nguyên đơn thực tế đang sử dụng là $6181.0 m^2$ so với giấy chứng nhận nguyên đơn được cấp diện tích $6.350m^2$ (nguyên đơn thiếu $169m^2$), tuy nhiên việc thiếu đất này thể cho rằng bị đơn lấn vì thực tế bị đơn cũng thiếu đất. Hơn nữa tứ cận phần đất của nguyên đơn còn giáp ranh với các phần đất khác và có giáp sông nên không thể xác định bị đơn lấn ranh phần đất của nguyên đơn. Do đó yêu cầu trả lại $184m^2$ nguyên đơn là không có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về chi phí định giá thị trường cấp phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải nộp 6.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị C thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định

Do kháng cáo không được chấp nhận. Anh Nguyễn Thức Đ2, anh Nguyễn Thanh L, chị Nguyễn Thị Kim T2, chị Nguyễn Thị Trúc A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C1, Anh Nguyễn Đình T1, anh Nguyễn Thanh L, chị Nguyễn Thị Kim T2, chị Nguyễn Thị Trúc A. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 57/2022/DS – ST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa:

1.1. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông **Trần Kim T7**; bà **Trần Thị C** đồng ý giao quyền sử dụng đất phần đất tranh chấp diện tích 184 m² theo Bản trích đo địa chính số 65/TTKTTNMT ngày 22/10/2021 của **Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C** cho ông **Quách Văn H**.

1.2. Ông **Quách Văn H** đồng ý giao cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **Nguyễn Kim T** (bà **Trần Thị C** làm đại diện) số tiền 20.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

1.3. Về chi phí tố tụng cấp sơ thẩm: Ông **H** có nghĩa vụ trả lại cho Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **Nguyễn Kim T** (bà **Trần Thị C** làm đại diện) số tiền là 3.000.000đồng.

Về chi phí định giá thị trường cấp phúc thẩm: Nguyên đơn phải nộp 6.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp xong.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Kim T** (có Bà **Trần Thị C** (người kế thừa và nghĩa vụ tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa và nghĩa vụ tố tụng) đối với ông **Trần Văn M** về việc tranh chấp quyền sử dụng đất tại thửa 314, diện tích 6.350m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 11, tọa lạc **ấp T, xã T, huyện T, TP ..**

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự được miễn nộp.

5/ Về án phí phúc thẩm: Bà **Nguyễn Thị C1** được miễn án phí.

Anh **Nguyễn Đình T1**, anh **Nguyễn Thanh L**, chị **Nguyễn Thị Kim T2**, chị **Nguyễn Thị Trúc A** phải liên đới chịu án phí án phí số tiền 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm.

Chị **Nguyễn Thị Chúc A1** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai thu số 0005582 tại chi cục thi hành án huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Chị **Nguyễn Thị Kim T2** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai thu số 0005583 tại chi cục thi hành án huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Anh **Nguyễn Thanh L** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai thu số 0005584 tại chi cục thi hành án huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Anh **Nguyễn Định T1** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai thu số 0005585 tại chi cục thi hành án huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND H. Thới Lai;
- THADS H. Thới Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Thanh Quốc